

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

**ĐẶNG THỊ HỘI AN**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG,**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số : 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng – Năm 2014**

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Người hướng dẫn khoa học: TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 1: TS. Lê Dân

Phản biện 2: GS.TS Đỗ Kim Chung

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 6 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hộ gia đình nông dân được xác định và trở thành đơn vị kinh tế sản xuất kinh doanh tự chủ. Kinh tế hộ nông dân đã phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực trong sản xuất kinh doanh làm cho nông nghiệp nước ta phát triển mạnh mẽ. Từ chỗ luôn thiếu lương thực nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới sau và Thái Lan (năm 2012). Đời sống nông thôn, nông dân được cải thiện, nâng cao rõ rệt. Tuy nhiên, đến nay vấn đề đặt ra là tiếp tục phát triển kinh tế hộ nông dân như thế nào? Thực trạng, xu hướng phát triển của kinh tế hộ nông dân? Các mục tiêu, phương hướng và giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế, kinh tế hộ nông dân? Đó là những vấn đề lớn cần phải được làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn.

Hòa Vang là một huyện nông nghiệp duy nhất của thành phố Đà Nẵng, trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của cả nước, đời sống kinh tế xã hội của nhân dân trong huyện cũng có nhiều thay đổi. Vẫn là một huyện ngoại thành duy nhất nằm trên phần đất liền của Đà Nẵng, đất đai rộng lớn, địa hình đa dạng, chủ yếu là vùng đồi núi và trung du. Phần lớn người dân sinh sống bằng nghề nông, trình độ sản xuất chưa cao, việc phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, việc khai thác và sử dụng các nguồn lực của hộ nông dân vẫn chưa cao. Vấn đề phát triển kinh tế hộ nông dân đang được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các ngành và các nhà khoa học quan tâm. Hiện trạng kinh tế hộ nông dân huyện Hòa Vang ra sao? Những giải pháp chủ yếu nào nhằm phát triển kinh tế hộ nông dân? Đó là một số vấn đề cần được nghiên cứu và giải đáp. Để góp phần nghiên cứu và giải đáp những vấn đề trên, tôi chọn đề tài

**“Phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng” làm đề tài nghiên cứu.**

## **2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế hộ nông dân.

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Hòa Vang. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ nông dân; chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển kinh tế hộ nông dân của huyện Hòa Vang.

Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế hộ nông dân huyện Hòa Vang trong những năm tới

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển kinh tế hộ nông dân.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu về phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Hòa Vang trong thời gian từ năm 2007-2012. Các giải pháp đề xuất cho thời gian đến

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện mục đích nghiên cứu đặt ra, luận văn sử dụng tổng hợp một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Phương pháp phân tích chuẩn tắc và phương pháp thực chứng trong kinh tế

Phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp mô hình hóa thống kê.

Ngoài ra, đề tài cũng kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan, đồng thời dựa vào các Chủ trương, đường lối, Nghị

quyết của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay

## **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần Mục lục, Danh mục các chữ viết tắt, Danh mục các bảng, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo, mở đầu, kết luận và kiến nghị, nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế hộ nông dân

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

### **CHƯƠNG 1**

#### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN**

#### **1.1. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN**

##### **1.1.1. Một số khái niệm**

###### **a. Khái niệm hộ**

Hộ là một tập hợp chủ yếu và phổ biến của những thành viên có chung huyết thống, tuy vậy cũng có cá biệt trường hợp thành viên của hộ không phải chung huyết thống (con nuôi, người tình nguyện và được sự đồng ý của các thành viên trong hộ công nhận cùng chung hoạt động kinh tế lâu dài...)

Hộ nhất thiết phải là một đơn vị kinh tế (chủ thể kinh tế), có nguồn lao động và phân công lao động chung; có vốn và chương trình, kế hoạch sản xuất kinh doanh chung, là đơn vị vừa sản xuất vừa tiêu dùng, có ngân quỹ chung và được phân phối lợi ích theo thỏa thuận có

tính chất gia đình. Hộ không phải là một thành phần kinh tế đồng nhất, mà hộ có thể thuộc thành phần kinh tế cá thể, tư nhân, tập thể, Nhà nước,...[1]

Hộ không đồng nhất với gia đình mặc dù cùng chung huyết thống bởi vì hộ là một đơn vị kinh tế riêng, còn gia đình có thể không phải là một đơn vị kinh tế (ví dụ gia đình nhiều thế hệ cùng chung huyết thống, cùng chung một mái nhà nhưng nguồn sinh sống và ngân quỹ lại độc lập với nhau...)

### ***b. Hộ nông dân***

Hộ nông dân là một đơn vị kinh tế cơ sở, vừa là một đơn vị sản xuất vừa là một đơn vị tiêu dùng riêng. Như vậy, hộ nông dân không thể là một đơn vị kinh tế độc lập tuyệt đối và toàn năng mà còn phải phụ thuộc vào các hệ thống kinh tế lớn hơn của nền kinh tế quốc dân. Khi trình độ phát triển lên mức cao của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thị trường, xã hội càng mở rộng và đi vào chiều sâu, thì các hộ nông dân càng phụ thuộc nhiều hơn vào các hệ thống kinh tế rộng lớn không chỉ trong phạm vi một vùng, một nước. Điều này càng có ý nghĩa đối với các hộ nông dân nước ta trong tình hình hiện nay.

### ***c. Kinh tế hộ nông dân***

Kinh tế hộ nông dân là một hình thức cơ bản và tự chủ trong nông nghiệp. Nó được hình thành và phát triển một cách khách quan, lâu dài, dựa trên sự tự hữu các yếu tố sản xuất, là loại hình kinh tế có hiệu quả, phù hợp với sản xuất nông nghiệp, thích ứng, tồn tại và phát triển trong mọi chế độ kinh tế xã hội. [12]

### ***d. Phát triển kinh tế hộ nông dân***

Phát triển kinh tế hộ nông dân là việc áp dụng các kỹ thuật tiên bộ và mô hình canh tác thích hợp với khả năng lao động của từng hộ nông dân và điều kiện đất đai, tự nhiên sản xuất kinh doanh, tăng

thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, góp phần xây dựng quê hương đất nước giàu mạnh. [5, tr.3]

### **1.1.2. Đặc trưng của kinh tế hộ nông dân**

- Đặc trưng về sở hữu: Tuy không được sở hữu về đất đai nhưng hộ nông dân lại được nhà nước giao quyền sử dụng ổn định và lâu dài.

- Đặc trưng về mục đích sản xuất: Cùng với quá trình phát triển, mục tiêu đảm bảo nhu cầu của hộ sẽ giảm dần và thay vào đó là sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho các thành viên, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu về vật chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình.

- Đặc trưng về lao động: Các HND không thuê lao động mà chỉ sử dụng những thành viên trong gia đình. Mọi lao động trong HND làm việc với tính tự giác cao, tự chủ vì lợi ích của bản thân, của gia đình và của toàn xã hội.

- Đặc trưng về mặt tổ chức: Bao gồm những người trong gia đình, trong bộ tộc có quan hệ hôn nhân và huyết thống; điều khiển mọi quá trình sản xuất chủ yếu là người chủ gia đình trên cơ sở thứ bậc, hiệu lực cao bởi kỷ cương, nề nếp mang tính truyền thống.

### **1.1.3. Vai trò của phát triển kinh tế hộ nông dân**

- Cung cấp lương thực, thực phẩm chủ yếu phục vụ cho đời sống và nhu cầu của con người

- Hình thành đơn vị tích tụ vốn của xã hội:
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động
- Sử dụng lao động gia đình.
- Sử dụng lao động ngoài độ tuổi lao động
- Sử dụng lao động làm thuê
- Thực hiện phân công lao động theo đơn vị kinh tế hộ nông dân.
- Đổi mới kỹ thuật sản xuất.

- Cùng với sự quan tâm về giáo dục của nhà nước, các mạng lưới khuyến nông ngày càng hoạt động có hiệu quả thì một hệ quả là trình độ của người lao động trong hộ nông dân ngày một nâng lên.

- Giữ gìn và làm trong sạch môi trường sinh thái.

## **1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN**

### **1.2.1. Phát triển về qui mô sản xuất của hộ nông dân**

Phát triển qui mô sản xuất của hộ nông dân là quá trình làm việc của hộ nông dân dựa trên việc gia tăng tư liệu sản xuất, vốn đầu tư, nguồn nhân lực để mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng sản lượng sản phẩm để tiêu dùng cho bản thân, gia đình hoặc để bán kiếm tiền tăng thu nhập.

- Tiêu chí cụ thể:
  - Quy mô và diện tích ruộng đất:
  - Số lao động:
  - Vốn và tài sản của nông hộ và cơ sở hạ tầng nông thôn:

### **1.2.2. Nâng cao trình độ sản xuất của hộ nông dân**

Trình độ sản xuất là việc kết hợp giữa các yếu tố đầu vào trong sản xuất quyết định hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng các yếu tố đó. Trong nền kinh tế thị trường, mọi hàng hóa được sản xuất ra để trao đổi, lưu thông, do vậy đầu ra của sản xuất cũng phải hướng theo nhu cầu thị trường và xác định cơ cấu sản phẩm hợp lý.

- Trình độ người lao động:
- Chuyển đổi mô hình
- Thị trường đầu ra:

### **1.2.3. Nâng cao thu nhập, đời sống và tích lũy của hộ nông dân**

Trong cơ chế thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của HND diễn ra rất đa dạng, ngoài sản xuất nông nghiệp hộ còn tham gia



vào các ngành nghề khác: Công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng và nghề rừng. Chính vì vậy, thu nhập của HND bao gồm toàn bộ những kết quả của các ngành trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ và một số ngành nghề khác như: sửa chữa, sản xuất nguyên vật liệu, chế biến nông sản... mang lại.

- Thu nhập của hộ nông dân:
- Cơ cấu chi tiêu của hộ nông dân:

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN**

#### **1.3.1. Điều kiện tự nhiên**

#### **1.3.2. Điều kiện kinh tế, tổ chức và quản lý**

#### **1.3.3. Nhân tố khoa học công nghệ**

#### **1.3.4. Nhân tố thuộc quản lý vĩ mô của nhà nước**

### **1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

#### **1.4.1. Kinh nghiệm phát triển kinh tế nông hộ của Thái Lan**

#### **1.4.2. Kinh nghiệm phát triển kinh tế hộ nông dân của**

**Trung Quốc**

#### **1.4.3. Kinh nghiệm phát triển kinh tế hộ nông dân của Đài**

**Loan**

#### **1.4.4. Những bài học kinh nghiệm rút ra**

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN HÒA VANG ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

*a. Vị trí địa lý:* Hòa vang là một huyện ngoại thành của thành phố Đà Nẵng, bao bọc quanh phía Tây là khu vực nội thành thành phố Đà Nẵng.

*b. Địa hình:* Là một huyện có địa hình trải rộng trên cả 3 vùng: Miền núi, trung du và đồng bằng, đặc điểm này ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế và xã hội của huyện, có nhiều tiềm năng và thế mạnh cho sự phát triển kinh tế, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho huyện phải vượt qua.

*c. Khí hậu:* Là huyện nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới điển hình, có một mùa mưa, và một mùa khô, thỉnh thoảng có đợt rét mùa đông nhưng không rét đậm kéo dài.

*d. Thủy văn:* Trên địa bàn có hai con sông chính chảy qua là S.Cu Đê và S. Yên. Ngoài ra còn có một số khe, mương, ao hồ tạo nên nguồn nước ngọt cho sinh hoạt và tưới tiêu khoảng 2,33 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

##### *e. Các nguồn tài nguyên*

##### 2.1.1 . Điều kiện kinh tế - xã hội

##### *a. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Tổng giá trị sản phẩm nền kinh tế của huyện năm 2012 là 4.057,9 tỷ đồng (*giá so sánh 1994*); Từ năm 2008 đến 2012, kinh tế của huyện có bước phát triển khá, tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ tăng, ngành nông nghiệp giảm. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp vẫn là ngành chủ đạo thu hút trên 50% lao

động của huyện hoạt động trong lĩnh vực này, giá trị đóng góp hàng năm trên 30%. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008 - 2012 là 11.8%.

Trong thời gian từ năm 2008 đến nay, Hòa Vang không ngừng kêu gọi đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật từ đó làm cho ngành công nghiệp, xây dựng ngày càng phát triển hơn. Tuy nhiên nông nghiệp vẫn chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị kinh tế huyện.

### ***b. Tình hình dân số và lao động***

Tổng số dân trên địa bàn huyện là 120,698 người, mật độ trung bình 164người/Km<sup>2</sup>. Dân cư ở đây chủ yếu là người bản địa, sinh sống lâu đời, số dân di cư cơ học đến đây không nhiều. Người dân chủ yếu sống bằng nghề nông. Số còn lại phần lớn lao động phổ thông chưa qua đào tạo.

Nguồn lao động trên địa bàn huyện rất dồi dào. Lao động tập trung chủ yếu vẫn là lĩnh vực nông nghiệp chiếm 40.47%, công nghiệp dịch vụ chiếm 30.08% và thương mại dịch vụ chiếm 26,23%.

Thu nhập bình quân 13,8 triệu đồng/người/năm (năm 2011), thu nhập cơ bản đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của người dân.

### ***c. Cơ sở hạ tầng***

*Giao thông:* Hệ thống giao thông nông thôn như đường liên xã, liên thôn, kiệt xóm trên địa bàn toàn huyện được bê tông hóa trên 95%; giao thông nội đồng được bê tông hóa trên 70%.

- *Thủy lợi:* Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu cho nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- *Điện:* Hệ thống điện thấp sáng dùng trong sinh hoạt và sản xuất đảm bảo 100% đã có hệ thống mạng điện lực quốc gia bao phủ.

## **2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN HÒA VANG**

### 2.2.1. Thực trạng phát triển về qui mô sản xuất của hộ nông dân

#### a. Sử dụng ruộng đất

Tình hình sử dụng, cơ cấu số lượng các loại đất nông nghiệp ít biến động qua hai năm 2011, năm 2012 và ít thay đổi cả về số lượng lẫn tỷ trọng cây trồng hàng năm. Năm 2012, tỷ trọng đất trồng cây hàng năm có giảm nhưng không đáng kể, đất mặt nước ở mức ổn định, đất vườn lâm nghiệp chiếm một tỷ trọng khá cao khoảng 78% trong tổng diện tích đất nông nghiệp, hiệu quả sản xuất kém. Đất đai vùng trung du, miền núi và ven đô bạc màu, nghèo dinh dưỡng, khả năng đầu tư và thâm canh của nông dân bị hạn chế.

**Bảng 2.7: Tỷ lệ bình quân đất nông nghiệp trên một nhân khẩu của Huyện Hòa Vang**

*ĐVT: người; ha; ha/nhân khẩu*

Đất nông nghiệp	Nhân khẩu (người)	Diện tích đất NN (ha)	Tỷ lệ (ha/nhân khẩu)
Năm 2011	121403	65.316	0,54
Năm 2012	123.024	65.235	0,53
Năm 2013	124.844	64.879	0,52

*Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Hòa Vang*

Tỷ lệ bình quân đất nông nghiệp trên một nhân khẩu ở huyện Hòa Vang giảm dần qua các năm, cụ thể theo số liệu năm 2011 là 0.54, năm 2012 là 0.53 ha/nhân khẩu và hiện nay là 0,52.

Trong tổng diện tích gieo trồng hàng năm, chủ yếu tập trung trồng cây lương thực. Trong cây lương thực, chủ yếu trồng lúa đại bộ phận diện tích. Tỷ trọng diện tích sử dụng trồng cây lương thực và cây công nghiệp khác không đáng kể.

**Bảng 2.8: Diện tích, năng suất, sản lượng  
cây lương thực có hạt trên địa bàn**

*ĐVT: ha, tạ/ha, tấn*

Năm	2009	2010	2011	2012
<b>1. Diện tích (ha)</b>				
a. Lúa	5.873,3	5.860,0	5.585,3	5.285,5
b. Ngô	798	799	755,0	595
<b>2. Năng suất (tạ/ha)</b>				
a. Lúa	54,24	56,7	55,0	60,32
b. Ngô	57,19	56,6	56,5	57,47
<b>3. Sản lượng (tấn)</b>				
a. Lúa	31.875,3	33.260,3	30.732,2	31.882,3
b. Ngô	4.563,4	4.521,0	4.266,5	3.419,8

*Nguồn: Niên giám thống kê năm 2012*

Diện tích và quy mô chăn nuôi ở Hòa Vang không lớn. Tính tới nay, tổng đàn gia súc trên địa bàn 11 xã của huyện Hòa Vang vào khoảng 116.000 con, trong đó trâu 1.870 con, bò 16.550 con, heo 97.500 con. Riêng gia cầm khoảng 530.000 con, trong đó gà 300.000 con, vịt 62.000 con, chim cút, ngan, ngỗng và các giống khác trên 170.000 con.

#### ***b. Lao động của kinh tế hộ nông dân***

Hiện nay trên địa bàn huyện đang hình thành những hộ sản xuất hàng hóa lớn và nhưng những hộ này cũng chỉ sử dụng lao động gia đình là chủ yếu.

#### ***c. Thực trạng về vốn của kinh tế hộ nông dân***

Hiện nay, riêng địa bàn huyện Hòa Vang có khoảng hơn 11.300 hộ nông dân có nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế, tuy nhiên mới có 2.000 hộ nông dân tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi của

Agribank Đà Nẵng.

**Bảng 2.9: Kết quả dư nợ năm 2012**

*ĐVT: tỷ đồng*

Dư nợ cho vay (Năm 2011)	Tổng dư nợ	Dư nợ cho vay năm 2012			
		NHNN <sub>o</sub>		NH CSXH	
		Số tiền	%	Số tiền	%
89.084	94.871	50,75	55,24	44.121	44,76

*Nguồn: Phòng Tài chính-kế hoạch huyện Hòa Vang*

Ngoài các tổ chức cung cấp vốn vay chính thức cho các HND nêu trên, hiện nay trong huyện còn có rất nhiều các đơn vị cho vay không chính thức như các hội, hụi do các hộ tự lập nên và các hộ gia đình cho vay nặng lãi.

**d. Các yếu tố sản xuất**

Những loại máy móc mà bà con hay sử dụng để phục vụ trong quá trình sản xuất nông nghiệp chủ yếu là máy kéo, máy cày, máy tuốt lúa và máy bơm nước phục vụ cho sản xuất, riêng từ năm 2012 đến nay trên địa bàn huyện Hòa Vang chủ yếu dùng dụng cụ máy gặt đập liên hợp để phục vụ cho sản xuất,....

**Bảng 2.10: Tình hình trang bị công cụ sản xuất**

Chi tiêu	Số lượng				Công suất, năng lực			
	ĐVT	2011	2012	2013	ĐVT	2011	2012	2013
Máy cày	Chiếc	80	102	118	ha	4.002	4.900	5.100
Máy bơm nước	Cái	19.500	16.700	14.400	ha	5.846	4.500	3.860
Máy tuốt lúa, máy bung	Chiếc	120	55	20	ha	3.780	1.620	610
Máy gặt đập liên hợp	Chiếc	11	36	42	ha	1.610	3.790	4.200
Máy nghiền	Cái	45	60	65	Tấn	30.000	33.000	34.400

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hòa Vang*

Nhìn chung, các hộ nông dân trong huyện đã tích cực chủ động mua sắm, trang bị các tư liệu sản xuất cho mình. Tuy mức trang bị tư liệu sản xuất của các nông hộ ở huyện Hòa Vang đã có bước cải thiện song nhìn chung còn thấp so với nhu cầu phát triển sản xuất.

### **2.2.2. Thực trạng trình độ sản xuất của hộ nông dân**

#### ***a. Trình độ của chủ hộ***

Học vấn các chủ hộ đa phần ở cấp trung học phổ thông, và hầu hết các chủ hộ đã qua các lớp tập huấn, đào tạo nghề sơ cấp, trong đó có khoảng 2% tỷ lệ đã qua đào tạo từ trung cấp trở lên.

Huyện phối hợp với các đơn vị tổ chức 8 lớp đào tạo nghề (nuôi cá, nấu ăn, trồng nấm) với trên 200 người tham gia và 24 lớp tập huấn cho hơn 720 nông dân; hỗ trợ nông dân gần 200.000 con cá giống, 72 tấn giống lúa để phục vụ sản xuất trong năm 2012.

#### ***b. Tình hình ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp***

- Trồng trọt: Thực hiện tập huấn chuyển giao kỹ thuật về thâm canh lúa nước, ngô lai, sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh cho lợn, bò, gà... Cụ thể từ năm 2010 đến năm 2012 đã tổ chức 270 lớp với 10.840 lượt người tham dự.

- Chăn nuôi: Triển khai các mô hình thụ tinh nhân tạo bò, heo 200 liều. Đàn heo chủ yếu là các giống heo lai Landare, Yorshie, tỷ lệ heo lai hướng nạc đạt 70% tổng đàn. Đàn bò vàng địa phương được lai cải tạo với tỷ lệ lai Sind đạt gần 50%.

- Lâm nghiệp: Thực hiện kiểm kê và quy hoạch phân cấp 3 loại rừng

#### ***c. Về thị trường***

- Thị trường đầu vào:

- Thị trường cung ứng giống lúa:

Hiện Huyện Hòa Vang có hơn 5.200 hecta đất lúa, trong đó có 600 hecta lúa giống tại xã Hòa Tiến. Đà Nẵng là nơi đầu tiên được Quỹ IBSA hỗ trợ thực hiện.

Hiện nay, ở mỗi xã đều có các điểm bán lẻ với những chủ cửa hàng hầu hết đều không có chuyên môn, chỉ biết dựa vào sự chỉ dẫn có trên bao bì và giấy hướng dẫn có từ các công ty gửi xuống.

Thị trường các giống cây trồng khác cũng diễn ra tương tự, Các cửa hàng tự do cung ứng cho các hộ nông dân, công tác quản lý rất lỏng lẻo.

- Thị trường phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh.

Trên địa bàn huyện Hòa vang có rất nhiều các đại lý cấp 2 cấp 3 chuyên cung cấp thuốc BVTV và phân bón như: Công ty cổ phần nông dược điện bàn, Công ty BVTV Sài Gòn, Công ty BVTV An Giang....và 30 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu... Giá cả đầu vào của các mặt hàng này luôn luôn biến động, chủ yếu theo chiều hướng tăng, nên rất khó khăn cho người nông dân trong quá trình tổ chức sản xuất.

- Thị trường đầu ra cho các hộ nông dân

Thành phố tiêu thụ lớn và nhập nông sản lớn từ nơi khác, còn nông sản của chính địa phương lại không chen chân nổi, nông dân thì sống dở chết dở.

### **2.2.3. Thực trạng thu nhập, đời sống và tích lũy của hộ nông dân**

#### ***a. Thu và cơ cấu thu của hộ từ trồng trọt và chăn nuôi***

Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi đã làm cho quy mô đàn gia súc, gia cầm ở huyện ngày càng tăng lên, sản lượng cá thịt cũng dồi dào, làm giàu thêm dinh dưỡng cho bữa ăn của mỗi hộ nông dân, dẫn đến bình quân tổng thu



nhập các hộ tổng hợp trồng trọt và chăn nuôi trên một ha đất nông nghiệp năm 2012 đạt 32.467 triệu đồng/ha

Bên cạnh đó, Huyện Hòa Vang có 4 vùng rau thuộc dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học. Mô hình trồng hoa lily và đồng tiền được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng đầu tư hỗ trợ thuộc đề án “Hỗ trợ đầu tư hạ tầng vùng trồng hoa và nhân rộng mô hình trồng hoa năm 2013”. Vùng trồng hoa lâu năm của các nông hộ cũng phát triển mạnh mẽ, với diện tích khoảng 23.000 m<sup>2</sup>, 21 hộ nông dân chuyên sản xuất các loại hoa truyền thống như cúc, vạn thọ... để bán quanh năm.

**Bảng 2.13: Thu nhập trung bình của hộ nông dân từ nông nghiệp**

*DVT: triệu đồng/tháng*

Nguồn thu nhập	2010	2011	2012	2013
Từ trồng trọt	8.865	10.149	12.151	14.095
Từ chăn nuôi	2.485	2.900	5.281	6.601
Bình quân 1 hộ	0,92	1,10	1,50	1,740

*Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Hòa Vang*

Nhìn chung, thu nhập bình quân hộ của hộ nông dân tăng dần theo từng năm, nâng cao được đời sống của hộ phù hợp với sự tăng trưởng kinh tế chung của hộ nông dân trên phạm vi cả nước. Và tương đương với thu nhập từ nông nghiệp của một hộ nông dân ở nước ta (Thu nhập bình quân một hộ nông dân từ nông nghiệp ở nước ta năm 2013 là 1,4 triệu đồng/tháng)

**b. Tổng hợp các khoản thu của hộ**

Tổng thu của các nông hộ có xu hướng tăng dần qua các năm và có chênh lệch đáng kể giữa các khoản thu, chăn nuôi là lĩnh vực đem lại nguồn thu chủ yếu cho các nông hộ, các khoản thu từ trồng

trọt chỉ chiếm 28,7% (năm 2012); 31,8% (năm 2013) trong tổng thu các hộ, điều này cho thấy các hộ ít phụ thuộc vào các khoản thu từ trồng trọt hơn so với chăn nuôi.

### ***c. Thu nhập của hộ người lao động***

Thu nhập bình quân/ người/ năm của Huyện Hòa Vang tăng qua các năm cụ thể: Năm 2006 thu nhập bình quân là 7,9 triệu đồng/người/năm đến năm 2011 là 13.8 triệu đồng/người/năm, Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 là 18,75 triệu đồng và năm 2013 là 20.68 triệu đồng/người/năm. Như vậy, so với mức trung bình chung của cả nước, thu nhập bình quân đầu người của người dân nông thôn ở huyện Hòa Vang đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

### ***d. Các loại hộ nông dân phân theo thu nhập trên địa bàn huyện***

Tổng số hộ khá trên địa bàn huyện từ 9.661 hộ khá năm 2010 lên 11.275 hộ năm 2012 với mức chuẩn nghèo 400.000 đồng/tháng, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 17,92% năm 2010 xuống còn 6,5% năm 2012. Đây là con số ghi nhận sự nỗ lực rất lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn huyện trong việc thực hiện chương trình giảm nghèo.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN HÒA VANG**

### **2.3.1. Những thành công**

- Về qui mô sản xuất:
  - Quy hoạch đất đai: Đã biết sử dụng đất đai đúng mục đích, đất nào cấy đó, có chuyên canh hơn so với trước đây, tạo hiệu quả kinh tế cao.

Lao động: Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động lên địa bàn huyện theo hướng tích cực.

- Ngành chăn nuôi: Phát huy được tính tự chủ sáng tạo: tận dụng diện tích đất, lao động của gia đình, tận dụng nguồn thức ăn, đầu tư ít, quy vòng vốn nhanh, ...

- **Vốn, tư liệu sản xuất:** Các khoản vay với chế độ hiện hành người nông dân dễ dàng vay vốn hơn, số hộ được vay vốn có xu hướng gia tăng.

- Về trình độ sản xuất hộ nông dân:

- Về trình độ chủ hộ: Sự nghiệp giáo dục đào tạo được coi trọng với tỷ lệ đi học tương đối cao, trình độ chủ hộ được nâng lên rõ rệt.

- Ứng dụng tiến bộ KHKT: Thâm nhập nhịp nhàng vào thời đại công nghệ thông tin, áp dụng những tiến bộ khoa học vào thực tiễn sản xuất.

- Về thị trường: Hình thành được một thị trường cung ứng lúa giống đảm bảo chất lượng cho huyện Hòa Vang và cho cả khu vực Miền trung.

- Về thu nhập, đời sống và tích lũy của các nông hộ: Chuyển dịch từ thuần nông sang sản xuất hàng hóa, có sự thay đổi về tỷ trọng trong nội bộ ngành nông nghiệp.

### **2.3.2. Những hạn chế**

- Về quy mô sản xuất: Diện tích đất của các nông hộ còn manh mún. Trình độ chủ hộ về học vấn, nhất là về chuyên môn chủ yếu không qua đào tạo.

- Thị trường nông sản còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, ruộng đất manh mún, chưa chủ động ở thị trường đầu ra làm năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất lao động đều thấp.

- Số hộ nghèo giảm qua các năm, nhưng so với toàn thành phố (0,97%) thì con số 16,66% vẫn rất đáng lo ngại.

### **CHƯƠNG 3**

## **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG**

### **3.1. QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG**

#### **3.1.1. Quan điểm phát triển kinh tế hộ nông dân huyện Hòa Vang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

- Phát triển kinh tế HND theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh phục vụ nhu cầu xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và tái tạo nguồn lợi.

- Hình thành và phát triển kinh tế trang trại gia đình là một trong những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu trong thời gian tới nhằm tăng số lượng hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Phát triển kinh tế hộ phải gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, với quá trình CNH – HĐH nông nghiệp nông thôn, với quá trình hội nhập vào nền kinh tế cả nước và nước ngoài.

- Phát huy nội lực, tạo bước phát triển mới trong kinh tế nông hộ nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để tạo điều kiện cho nông dân sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. [3]

#### **3.1.2. Phương hướng phát triển kinh tế hộ nông dân huyện Hòa Vang**

- Phát huy mọi nguồn lực, tận dụng mọi lợi thế, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển toàn diện với nhịp độ tăng trưởng cao và bền vững.

- Tăng cường dịch chuyển cơ cấu nền kinh tế

- Tăng cường tích lũy tái đầu tư sản xuất mở rộng với nhiều ngành nghề, sử dụng số lao động hợp lý. Tăng cường ứng dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất thông qua các kênh khác nhau của huyện. Mở rộng các quá trình liên doanh, liên kết và hợp tác trong nông nghiệp nông thôn. [2] [3]

### **3.1.3. Mục tiêu phát triển kinh tế hộ nông dân huyện Hòa Vang**

- Giá trị tổng sản phẩm và tổng sản phẩm hàng hóa nông lâm sản ngày càng tăng.

- Nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa trên đơn cụ diện tích canh tác.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, phát triển kinh tế nông hộ, tích cực mời gọi đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên các đề án phát triển kinh tế nông hộ gắn chế biến và tiêu thụ sản phẩm. [3]

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN HUYỆN HÒA VANG**

### **3.2.1. Giải pháp phát triển về qui mô sản xuất của hộ nông dân**

#### ***a. Giải pháp về đất đai***

- Thực hiện đánh giá đất đai theo số lượng, chất lượng và các điều kiện gắn với đất đai làm cơ sở khoa học cho việc phân loại, bố trí quy hoạch sử dụng đất theo hướng khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương; Điều tra xác định đất có tiềm năng phát triển kinh tế trang trại đối với các mô hình chuyên canh: nấm, hoa lily, hoa phong lan....

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân phát triển kinh tế trang trại, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp, HTX, nhóm hộ để phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh.

- Đẩy mạnh thâm canh nông nghiệp, đồng thời tích cực mở rộng diện tích đất bằng khai thác và tăng vụ; Đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa; Kết hợp chặt chẽ giữa khai thác với bảo vệ, bồi dưỡng và cải tạo ruộng đất, tăng cường quản lý nhà nước đối với ruộng đất.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao quyền sử dụng đất có quy mô lớn chuyển sang phát triển sản xuất theo hướng trang trại; Khuyến khích tập trung ruộng đất.

### ***b. Giải pháp về vốn***

- Vay vốn người thân với lãi suất thấp hoặc có thể không tính lãi.

- Vay tín dụng: Đề các hộ nông dân tiếp cận với nguồn vốn này cần phải có một hành lang pháp lý thông thoáng....

- Đa dạng hóa các nguồn vay vốn; Đơn giản hóa các thủ tục cho vay. Điều chỉnh mức lãi suất phù hợp và linh hoạt đối với từng đối tượng vay tránh tình trạng cho không, làm việc sử dụng vốn không hiệu quả.

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cần thông qua các cơ sở hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, hỗ trợ cho các chương trình khuyến nông trên địa bàn huyện

## **3.2.2. Giải pháp nâng cao trình độ sản xuất của hộ nông dân**

### ***a. Đào tạo nghề cho nông dân***

#### **Xây dựng kế hoạch dạy nghề cần tiến hành theo quy trình:**

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ.

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của huyện

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức dạy nghề cho nông dân.

- Bố trí các lớp học gần nơi ở của HND, chú trọng phát triển hình thức dạy nghề tại trung tâm học tập cộng đồng trên cơ sở lớp học trên đồng ruộng/ lớp học hiện trường

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên dạy nghề.

- Thực hiện chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề cho nông dân từ các giáo viên tiềm năng như cán bộ khuyến nông xã, cán bộ thú y, bảo vệ thực vật xã, cán bộ khuyến nông huyện, khuyến nông viên cơ sở, cán bộ Hội nông dân hoặc nông dân giỏi.

- Nội dung, tài liệu, hình thức và phương pháp đào tạo nghề cho nông dân gắn được với mục tiêu sử dụng.

### **Nguyên tắc cơ bản cho việc xác định nội dung đào tạo:**

- Nội dung dạy cho lao động của hộ nông dân cần được xác định cho từng vùng cụ thể. Xác định chương trình dạy cần có sự tham gia của các chủ hộ.

- Nội dung dạy cho nông dân phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế của của thành phố, của huyện với mục tiêu phân bổ lại lao động nông thôn cũng như với khoa học công nghệ cao. Các chương trình/ khóa học nên thực hiện trọn vẹn một quy trình, chu kỳ sinh trưởng và phát triển...

- Về quy mô lớp học đào tạo nghề cho nông dân chỉ nên 25-30 người là phù hợp.

- Khi xây dựng giáo trình cần chú ý đến yếu tố nông dân trong quá trình phát triển tài liệu.

### **Hình thức và phương pháp dạy nghề cho nông dân cần đảm bảo nguyên tắc sau:**

- Học trọn một vụ cây trồng (lúa, hoa, nấm...), trọn một giai đoạn của dự án, trọn một công việc, trọn một quy trình sản xuất, chế biến.

- Học bằng thực hành, học từ kinh nghiệm sẵn có của học viên.

- Hoạt động nhóm để phát huy sức mạnh tập thể, nhóm hoạt động không chỉ trong thời gian trên lớp mà duy trì lâu dài trên thực tế : nhóm sở thích, nhóm sản xuất của nông dân.

- Chương trình học tập mang tính tổng hợp nhiều mặt kiến thức tổng hợp, kỹ năng cơ bản và phương pháp đa dạng đảm bảo tính linh động, phù hợp.

- Đào tạo những học viên giỏi trở thành hướng dẫn viên, giảng viên nông dân. Tăng cường hình thức Huấn luyện đồng ruộng cho nông dân

**b. Nâng cao năng lực sản xuất.**

Cần phân tích sâu hơn chất lượng hộ nông dân ở từng vùng để có đánh giá đúng và có giải pháp hỗ trợ cụ thể sự phát triển phù hợp... điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của từng vùng.

**c. Giải pháp mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản phẩm**

- Hỗ trợ thông tin thị trường

- Xúc tiến thương mại

**d. Giải pháp về khoa học kỹ thuật**

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, lựa chọn hình thức chuyển giao tiến bộ khoa học – công nghệ thích hợp cho các hộ nông dân.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, lao động có trình độ tay nghề cao, biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất. Có chế độ đãi ngộ đối với các nhà khoa học đến công tác tại địa phương.

- Tuyển chọn những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, xây dựng và phổ biến các mô hình sản xuất hàng hóa có hiệu quả phù hợp điều kiện thực tế của từng vùng.

- Thường xuyên có những nghiên cứu tổng kết các điển hình tiên tiến trong sản xuất nông, lâm, thủy sản; tổ chức nhân rộng điển hình tiên tiến về tiến bộ khoa học – công nghệ trong sản xuất.

- Xây dựng mối liên kết, hợp tác, hợp đồng giữa trang trại,



HTX hộ sản xuất với các cơ sở nghiên cứu, các nhà khoa học

- Hướng dẫn để người nông dân hiểu được rằng, mình cần làm gì, phối hợp với ai, cần đầu tư bao nhiêu vốn, vật tư, trang thiết bị để đổi mới công nghệ, đổi mới cây trồng, vật nuôi cho năng suất cao, chất lượng cao hơn, thu nhập cao hơn.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí, trợ giá, ưu đãi tín dụng, miễn giảm thuế... cho các HND, chủ trang trại, HTX,... trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất.

### **3.2.3. Giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống và tích lũy của hộ nông dân**

*a. Khuyến khích mở rộng các làng nghề ở nông thôn*

*b. Kết hợp trồng trọt và chăn nuôi để nâng cao thu nhập*

*c. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, tổ chức lại hình thức sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu tiêu thụ của thị trường*

### **3.2.4. Giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân toàn diện và bền vững**

- Giải quyết các vấn đề suy thoái đất nông nghiệp và lâm nghiệp bằng việc phát triển nhiều mô hình kinh tế nông lâm kết hợp.

- Tăng cường bảo vệ môi trường sinh thái, gắn du lịch sinh thái và du lịch văn hóa với phát triển nông thôn.

- Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống và nghề mới

- Nâng cao vai trò của cộng đồng và thúc đẩy sự tham gia của nông dân trong quá trình ra quyết định phát triển kinh tế hộ nông dân ở địa phương.

## **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp quy về đất đai; Đơn giản hóa các thủ tục về quyền sử dụng đất để hộ nông dân yên tâm sản xuất.

- Thời hạn cho vay vốn phải phù hợp với chu kỳ sản xuất của hộ với những lãi suất hợp lý để hộ sản xuất có hiệu quả tạo động lực cho sự phát triển sản xuất của hộ nông dân.

- Quy hoạch tổng thể các vùng sản xuất, hỗ trợ các sản phẩm đầu ra khi gặp rủi ro về thiên tai cũng như thị trường giúp hộ nông dân cải thiện khó khăn tiếp tục đầu tư sản xuất cho kỳ sau.

- Tiếp tục hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giúp cho quá trình giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng.

- Đào tạo chuyên môn, trình độ cho người lao động nhận biết cả về khoa học lẫn thị trường.

### **KẾT LUẬN**

Sự ra đời và phát triển của hộ nông dân trên phạm vi cả nước cũng như trên phạm vi của huyện Hòa Vang – thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay là vấn đề, là động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển, thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất mới. Hầu hết các HND đều có lợi thế nổi bật là huy động được nguồn lực như: Lao động có sẵn trong nông nghiệp nông thôn, nguồn vốn tự có đầu tư hiệu quả trên thành quả lao động mà tự họ tạo ra cũng như tự chịu trách nhiệm với kết quả đó.

Phát triển kinh tế hộ nông dân là đòi hỏi khách quan của nền sản xuất nông nghiệp cũng như của quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Các hộ nông dân là những đơn vị kinh tế đồng thời cũng là đơn vị xã hội, bởi vậy phát triển nông hộ không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế mà còn tạo lập sự ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn. Đồng thời sự phát triển kinh tế nông hộ là một động lực để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn nói riêng và nền kinh tế của đất nước nói chung.